TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2020/DS-ST
Ngày: 27/7/2020
"V/v Kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK – TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang và ông Ngô Trọng Búp

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Hòa Bình – Thư ký Toà án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 27/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 141/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2019 về việc "Kiện đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2020/QĐST-DS, ngày 14 tháng 5 năm 2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 155/TB-TA, ngày 02 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Mai Văn K, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn 4, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1/ Ông Nguyễn Thái T (Tên gọi khác: Nguyễn Thanh T) sinh năm 1980. (Vắng mặt).

2.2/ Bà Lê Thị O, sinh năm 1980. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn 17, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Q sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn 4, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

4. Người làm chứng: Anh Mai Văn Kh, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn 4, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn ông Mai Văn K trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 06/10/2010 ông Nguyễn Thái T và bà Lê Thị O đến nhà ông K vay 4,5 cây vàng, trong đó: 3,5 cây vàng y 9999 và 01 cây vàng SJC, mục đích vay để đầu tư làm keo phát triển kinh tế gia đình, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 2%/tháng, tiền lãi trả hàng tháng, khi vay hai bên có xác lập hợp đồng vay và ông T, bà O đều ký. Đến thời hạn nhưng ông T, bà O không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông K. Đến năm 2011 ông K yêu cầu trả nợ thì bà O hỏi ông K có cầm giấy vay không, ông K đã đưa cho bà O xem thì bà O liền xé giấy vay vàng này. Ông K yêu cầu ông T, bà O viết lại giấy vay khác nên ông T, bà O vào nhà viết lại và đưa một giấy vay vàng cũng đề ngày 06/10/2010 cho ông K, còn ai là người viết lại giấy vay vàng thì ông K không biết. Từ tháng 6/2011 ông K đã nhiều lần đòi nợ nhưng ông T, bà O không trả nợ. Đến ngày 15/02/2015 ông T, bà O trả được 02 chỉ vàng y 9999 qua vợ ông K (bà Nguyễn Thị Q) cùng con trai (Mai Văn Kh). Từ đó đến nay không trả thêm khoản nào khác.

Ông K khẳng định số vàng 3,5 cây vàng y 9999 và 01 cây vàng SJC cho ông T và bà O vay là tài sản chung của hai vợ chồng ông K. Ngoài số vàng cho vợ chồng ông T, bà O vay trên thì không có lần nào ông K cho ông T, bà O vay nữa.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/12/2019, ông K yêu cầu ông T, bà O trả cho 4,5 cây vàng, trong đó: 3,5 cây vàng y 9999 và 01 cây vàng SJC. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông K xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 02 chỉ vàng y 9999. Nay ông K chỉ yêu cầu ông T, bà O trả 4,3 cây vàng, trong đó: 3,3 cây vàng y 9999 và 01 cây vàng SJC.

** Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Q trình bày:* Bà với ông Mai Văn K có mối quan hệ là vợ chồng. Quá trình làm việc, bà nhất ý với ý kiến trình bày của ông K. Sau khi vay vàng, ngày 15/02/2015 ông T, bà O mới trả được 2 chỉ vàng y 9999. Khi trả có bà Q và con trai bà (Mai Văn Kh) nhận vàng, có viết giấy tờ hiện gia đình ông T đang giữ. Từ đó đến nay ông T, bà O chưa trả được cho gia đình bà thêm số vàng nào khác. Bà Q xác định số vàng ông K cho ông T, bà O vay là tài sản chung của vợ chồng nhưng việc trả nợ thì trả cho ai cũng được. Vì vậy, bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông K và không có ý kiến gì khác.

** Người làm chứng anh Mai Văn Kh trình bày:* Anh là con của ông K và bà Q. Trong quá trình sinh sống, anh Khương có nghe ông K nói ông T, bà O có vay vàng của gia đình anh. Còn số vàng cụ thể bao nhiêu thì anh Kh không biết. Ngày 15/02/2015, anh Kh cùng bà Q có đến nhà ông T, bà O thì ông T, bà O có trả được 02 chỉ vàng y 9999, khi trả vàng bà O có viết giấy và anh Kh là người ký nhận vàng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn ông Nguyễn Thái T và bà Lê Thị O, triệu tập ông T, bà O đến Tòa án lập bản tự khai, phiên đối chất, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T, bà O đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 207 và Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quá trình giải quyết vụ án. Đối với bị đơn vi phạm quy định tại các Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn K. Buộc bà Lê Thị O phải có nghĩa vụ trả cho ông Mai Văn K 4,3 cây vàng (3,3 cây vàng y 9999 và 1 cây vàng SJC). Bác yêu cầu khởi kiện của ông K đối với yêu cầu ông Nguyễn Thái T (Nguyễn Thanh T) phải trả cho ông K 4,3 cây vàng (Trong đó: 3,3 cây vàng y 9999 và 1 cây vàng SJC).

Đình chỉ việc xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn K về việc buộc ông Nguyễn Thái T, bà Lê Thị O phải có nghĩa vụ trả 02 chỉ vàng y 9999 cho ông Mai Văn K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Xét về hình thức: Căn cứ đơn khởi kiện của ông Mai Văn K đề ngày 16/12/2019, Toà án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng vay do bà Lê Thị O xác lập đề ngày 06/10/2010 (Bút lục số 43) và hẹn trả nợ sau 06 (sáu) tháng đối với 4,3 cây vàng, trong đó 3,3 cây vàng y (9999) và 1 cây vàng SJC. Nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp của vụ án là *"Kiện đòi tài sản"*. Tại thời điểm ông K khởi kiện, bị đơn ông T và bà O đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại thôn 17, xã E, huyện M. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Toà án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà và Thông báo mở lại phiên tòa cho T, bà O. Tuy nhiên, ông T, bà O đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T, bà O theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét đơn khởi kiện của ông K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà O phải có nghĩa vụ trả 3,5 cây vàng y 9999 và 01 cây vàng SJC. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk đã triệu tập ông T, bà O đến Toà án lập bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng ông T, bà O đều vắng mặt không có lý do. Để có cơ sở giải quyết vụ án, ngày 27/02/2020, ông K đã làm đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ viết trong giấy vay tiền đề ngày 06/10/2010.

Ngày 05/03/2020, Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 25/2020/QĐ-TCGĐ yêu cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk giám định chữ viết trong giấy vay tiền đề ngày 06/10/2010.

Tại Bản kết luận giám định số 23/PC09, ngày 16/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:*"Chữ viết bằng mực màu tím trong* **Giấy vay tiền** *đề ngày 06 tháng 10 năm 2010 (Kí hiệu là A1) (trừ chữ "Thôn 4" tại dòng viết thứ 6 tính từ trên xuống) so với chữ viết đứng tên Lê Thị O trong các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu từ M1 đến M3,* **là do cùng một người viết ra***"*.

Như vậy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Bà O có vay của ông K 3,5 cây vàng y 9999 và 01 cây vàng SJC. Khi vay hai bên có xác lập hợp đồng vay, chữ viết tại giấy vay tiền đề ngày 06/10/2010 là do bà O viết ra. Xét thấy hợp đồng vay được bà O xác lập là trên cơ sở tự nguyện, không trái với đạo đức, xã hội. Tuy nhiên, đến ngày 15/02/2015 bà O mới trả cho ông K được 02 chỉ vàng y 9999, ngoài ra chưa trả thêm được khoản nào. Mặc dù ông K đã nhiều lần yêu cầu bà O trả nợ nhưng bà O không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như hai bên đã cam kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông K là có cơ sở pháp lý. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 688 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông K. Buộc bà O phải có nghĩa vụ trả cho ông K 4,3 cây vàng (Trong đó 3,3 cây vàng y 9999 và 1 cây vàng SJC).

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông K cho rằng: Tại thời điểm vay vàng, ông T có mặt và biết ông K có cho bà O vay 3,5 cây vàng y 9999 và 01 cây vàng SJC, khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay 6 tháng, mục đích vay để đầu tư làm keo, khi vay có xác lập hợp đồng vay và ông T, O đều ký.

Do bà O đã tự ý xé giấy vay cũ nên theo yêu cầu của ông K thì sau khi viết lại giấy vay vàng đề ngày 06/10/2010 thì ông K không biết ai viết và ký tên "Nguyễn Thái T". Vì vậy, ông K đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông T phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ liên đới cùng bà O trả nợ cho ông K 4,3 cây vàng (Trong đó 3,3 cây vàng y 9999 và 1 cây vàng SJC). Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện các Điều 24, 25 và 26 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; 2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014".* Căn cứ Điều luật nêu trên, đối chiếu với hợp đồng vay đề ngày 06/10/2020 (Bút lục số 43) và tại Bản kết luận giám định số 23/PC09, ngày 16/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk xác định chỉ có bà Lê Thị O xác lập và sau đó đưa cho ông Mai Văn K quản lý. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông K không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông T là người trực tiếp cùng bà O tham gia ký hợp đồng vay và cũng không chứng minh được ông T sử dụng số vàng do bà O vay của K để nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình (đầu tư làm keo). Ông K cũng không chứng minh được ông T ủy quyền cho bà O thực hiện ký xác lập hợp đồng vay tài sản với ông K. Do đó, tại phiên tòa ông K đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 27 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để buộc ông T phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ liên đới cùng bà O trả nợ cho ông K 4,3 cây vàng (trong đó 3,3 cây vàng y 9999 và 1 cây vàng SJC) là không có căn cứ pháp lý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông K xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông T, bà O trả 02 chỉ vàng y 9999. Việc rút đơn trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ Điều 217, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút yêu cầu khởi kiện này và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông T, bà O trả 02 chỉ vàng y 9999.

[4] Về tiền lãi: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông K trình bày khi xác lập hợp đồng vay, các bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, sau khi vay bị đơn có trả một phần tiền lãi nhưng không nhớ cụ thể số tiền bao nhiêu. Quá trình giải quyết vụ án ông K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về chi phí giám định: Do yêu cầu giám định của ông K được chấp nhận nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 161, khoản 1 Điều 162 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 buộc bà O phải chịu 4.320.000 đồng chi phí giám định chữ viết. Ông K không phải chịu chi phí giám định, nhưng do ông K đã nộp tạm ứng số tiền chi phí giám định nên buộc bà O phải trả số tiền 4.320.000 đồng cho ông K.

[6] Về án phí: Do đối tượng khởi kiện là 3,3 cây vàng y 9999 và 1 cây vàng SJC, để xác định trị giá vàng tại thời điểm xét xử làm căn cứ tính án phí, do đó Hội đồng xét xử xác định qua thu thập trên trang Web: tygiavang.vn. Giấy phép số

1147/GP-TTĐT do Sở thông tin và truyền thông Hà Nội cấp ngày 05/5/2015, giá vàng ngày 27/7/2020; Vàng y 9999 mua vào 5.400.000 đồng/1 chỉ, giá bán ra 5.652.000 đồng/1chỉ; Vàng miếng SJC mua vào 5.400.000 đồng/1 chỉ, giá bán ra 5.652.000 đồng/1chỉ. Tòa án áp giá trung bình mua vào, bán ra là 5.526.000 đồng/1chỉ. Do đó, bà O phải chịu 5.526.000 đồng x 43 chỉ x 5% = 11.880.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông K số tiền 4.613.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số: AA/2019/0003401 ngày 27/12/2019.

Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 161, khoản 1 Điều 162, Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 166, khoản 1 Điều 466, Điều 688 của Bộ Luật dân sự năm 2015 và Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Văn K. Buộc bà Lê Thị O phải có nghĩa vụ trả cho ông K 4,3 cây vàng (Trong đó: 3,3 cây vàng y 9999 và 1 cây vàng SJC).

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn K đối với yêu cầu ông Nguyễn Thái T (Nguyễn Thanh T) phải có nghĩa vụ trả cho ông K 4,3 cây vàng (Trong đó: 3,3 cây vàng y 9999 và 1 cây vàng SJC).

3. Đình chỉ việc xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn K về việc buộc bà Lê Thị O phải trả 02 chỉ vàng y 9999 cho ông Mai Văn K.

4. Về chi phí giám định: Bà Lê Thị O phải chịu 4.320.000 đồng chi phí giám định chữ viết. Ông K không phải chịu chi phí giám định chữ viết. Ông K đã nộp tạm ứng số tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết nên buộc bà O phải trả số tiền 4.320.000 đồng cho ông K.

5. Về án phí: Bà Lê Thị O phải chịu 11.880.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Mai Văn K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Mai Văn K số tiền 4.613.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành

án dân sự huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số: AA/2019/0003401 ngày 27/12/2019.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Mai Văn K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Lê Thị O, ông Nguyễn Thái T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Quyền được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Phi Long

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrắk;
- Chi cục THADS huyện M'Đrắk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrắk;
- Chi cục THADS huyện M'Đrắk;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

Nguyễn Phi Long